

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mùa và ông Phan Tấn Lãm

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 64/2020/TLST-HNGĐ
ngày 27 tháng 4 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị L, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: thôn 7, xã B1, huyện B, tỉnh Bình Phước;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn T, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: thôn L, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước;

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: thôn 7, xã B1, huyện B, tỉnh Bình Phước.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Dương Thị L và ông Hoàng Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Bà L và ông H thống nhất thỏa thuận giao con chung là Hoàng Thị Ngọc H, sinh ngày 29/10/2009 cho bà Dương Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Thời hạn giao con chung cho bà L kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

Đối với các con chung là cháu C và cháu Y hiện nay đã thành niên nên bà L và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà L và ông H thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà L và ông H thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản:

Ông H, bà L mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền 8.235.022 đồng, do bà L đã nộp tạm ứng trước nên ông H có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà L $\frac{1}{2}$ số tiền này, tương ứng số tiền 4.117.511 đồng.

4. *Về Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm* là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà L phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 56.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019198 ngày 24/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước. Bà L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn lại là 56.500.000 đồng theo biên lai thu số 0019198 ngày 24/4/2020 và 6.500.000 đồng theo biên lai thu số 0007513 ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước. Tổng cộng số tiền bà L được nhận lại là 63.000.000 đồng.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Bình Thắng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Công